

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2020/DS-PT  
Ngày 20 - 10 - 2020  
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hùng Nuôi.

*Các Thẩm phán:* 1/. Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

2/. Ông Nguyễn Hoàng Thành.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Châu Trần Nhật Nguyên – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLPT-DS, ngày 04 tháng 08 năm 2020, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 12 tháng 06 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 08 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 118/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**\* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 27/8/2020). (có mặt)

**- Bị đơn:** Bà Thạch Thị T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**\* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Ông Trịnh Hoàng K, sinh năm 1981; Địa chỉ: Trần Hoàng N, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ (theo Giấy ủy quyền ngày 13/8/2020). (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lý H; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Ông Lý Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Thạch Thị T là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**1. Nguyên đơn Nguyễn Thanh T trình bày:** Nguyên ngày 31/3/2017, ông Nguyễn Thanh T và bà Thạch Thị T có hùn nhận chuyển nhượng một phần đất có chiều ngang 47m x chiều dài 127m, tọa lạc tại ấp S, xã Thạnh Phú, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ông T đưa tiền cho bà T hai lần với số tiền 155.000.000đồng để đặt cọc, không làm biên nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng đất xong, bà T lập thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó bà T chuyển nhượng lại cho người khác mà không cho ông T biết, sau khi biết thì ông T có yêu cầu bà T trả lại số tiền 155.000.000đồng nhưng bà T không đồng ý trả.

Tại biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp S ngày 11/7/2019, bà T thừa nhận có nhận của ông T số tiền 145.000.000đồng nhưng không đồng ý trả lại cho ông T và cho là ông T không đồng ý nhận chuyển nhượng đất là mất cọc.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà T cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lý H (chồng bà T) phải liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho ông T số tiền hùn nhận chuyển nhượng đất 145.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

**2. Bị đơn bà Thạch Thị T trình bày:** Bà T xác định không có hùn tiền nhận chuyển nhượng đất với ông Nguyễn Thanh T như ông T trình bày trên, vào khoảng tháng 2 hoặc 3/2017 ông T có hùn tiền nhận chuyển nhượng đất của ông Lâm Kim với con bà là ông Lý Văn T, bà T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý H trình bày:** Ông xác định không liên quan đến việc hùn tiền nhận chuyển nhượng đất với ông Nguyễn Thanh T, nên không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

**4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Văn T trình bày:** Ông xác định giữa ông với ông Nguyễn Thanh T có hùn tiền nhận chuyển nhượng đất của ông Lâm Kim (ông Kim đã chết), bà Thạch Thị T không có hùn tiền nhận chuyển nhượng đất chung với ông Nguyễn Thanh T. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T thì ông T không đồng ý.

\* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 12 tháng 06 năm 2020, đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 166; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T đối với bị đơn bà Thạch Thị T, về việc ông Nguyễn Thanh T yêu cầu bà Thạch Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 145.000.0000 đồng.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý H phải có nghĩa vụ liên đới cùng bị đơn bà Thạch Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 145.000.000 đồng.

- Buộc bà Thạch Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

\* Ngày 12/6/2020, bị đơn Thạch Thị T nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 12 tháng 06 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ hợp pháp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu Tòa án thu thập không khách quan, không đúng quy định pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vô lý và trái pháp luật.

Đồng thời, bị đơn Thạch Thị T có đơn xin đề nghị miễn giảm tiền tạm ứng án phí, án phí do bà T là người cao tuổi.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện cho nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; Người đại diện cho bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo của bị đơn Thạch Thị T. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những

người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[I] Về tố tụng:*

[1] Về chủ thể, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn Thạch Thị T là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định, nên vụ án được xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền và nghĩa vụ liên quan Lý H và Lý Văn T vắng mặt và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, việc vắng mặt cũng không gây trở ngại cho việc xét xử; đương sự khác vắng mặt có người đại diện. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 2 và 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

#### *[II] Về nội dung:*

[1] Theo nguyên đơn Nguyễn Thanh T, nguyên ngày 31/3/2017 nguyên đơn với bị đơn Thạch Thị T có hùn tiền để nhận chuyển nhượng đất và nguyên đơn có đưa cho bị đơn số tiền 155.000.000đồng, nhưng sau khi nhận chuyển nhượng, bị đơn đã lập thủ tục chuyển nhượng đất lại cho người khác mà không trả lại số tiền cho nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp, tại Biên bản hòa giải ngày 11/7/2019 của Tổ hòa giải ấp S, bị đơn thừa nhận có nhận của nguyên đơn số tiền 145.000.000đồng, nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 145.000.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

[2] Ngược lại, bị đơn Thạch Thị T thì không thừa nhận có việc nguyên đơn với bị đơn hùn tiền để nhận chuyển nhượng đất, mà cho rằng nguyên đơn hùn tiền để nhận chuyển nhượng đất với ông Lý Văn T (con của bị đơn), nên không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 145.000.000đồng theo yêu cầu.

[3] Đồng thời, tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/11/2019 (BL 56) và Bản tự khai ngày 20/1/2020 (BL 54), ông Lý Văn T cũng trình bày “*nguyên đơn T hùn tiền với ông T để nhận chuyển nhượng đất của ông Lâm K (đã chết), không phải nguyên đơn T hùn với bị đơn Thạch Thị T, do nguyên đơn T không tiếp tục nhận chuyển nhượng đất nên đã bỏ cọc*”. Theo bị đơn T và ông T trình bày nêu trên đều không được nguyên đơn T thừa nhận, ngoài lời trình bày của mình thì bị đơn T và ông T cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh.

[4] Xét thấy, tuy bị đơn T không thừa nhận nguyên đơn T có hùn tiền để nhận chuyển nhượng đất với bị đơn, mà cho là nguyên đơn hùn tiền nhận chuyển nhượng đất với ông T, nhưng sau khi phát sinh tranh chấp tại phiên hòa giải ngày 11/7/2019 tại Nhà Văn hóa ấp S và được ghi nhận tại Biên bản hòa giải ngày 11/7/2019 của Tổ hòa giải ấp S (BL 12), bị đơn Thạch Thị T thừa nhận *“anh T chỉ bỏ ra tiền cọc là 145.000.000đ, khi bỏ cọc thời gian chị T có hỏi mua hay không, anh T trả lời là làm giấy không được nên không mua, vì vậy nếu không mua đất là bỏ cọc, vì người bán đất không thể chờ 1 - 2 năm, chị T đã gợi ý cho anh T nhiều lần, anh T trả lời không mua...Bà T không đồng ý trả lại tiền theo ông T yêu cầu, vì khi hùn mua đất đã trả lãi cho người ta nhiều”* và theo Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/11/2019 (BL 37) bị đơn Thạch Thị T cũng đã thừa nhận *“có tham gia phiên hòa giải tại ấp S ngày 11/7/2019 và có ký tên vào biên bản, đứng chữ ký và chữ viết của bà tại Biên bản hòa giải ngày 11/7/2019 của Tổ hòa giải ấp S, nội dung trình bày của bà được ghi nhận trong Biên bản hòa giải ngày 11/7/2019 của Tổ hòa giải ấp S là đúng theo bà trình bày tại phiên hòa giải”*.

[5] Tại các Biên bản lấy khai của người làm chứng cùng ngày 19/12/2019 (BL 66 – 75), ông Huỳnh T Tạo (Tổ trưởng tổ hòa giải và là người viết biên bản), Dương T và Thạch M (là người tham gia tiến hành hòa giải) đều xác nhận tại phiên hòa giải ngày 11/7/2019 bị đơn T trình bày và nội dung được ghi nhận tại Biên bản hòa giải ngày 11/7/2019 là đúng lời trình bày của bị đơn T.

[6] Mặt khác, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trên thực tế theo hồ sơ, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất (BL 85 - 101) thể hiện là ông Lâm K chuyển nhượng đất cho bị đơn T, không phải chuyển nhượng cho ông T; tại Biên bản lấy khai của người làm chứng ngày 19/12/2019, bà Lâm Thị Sà Lệnh (con ông Kim) cũng xác nhận *“ông Lâm Kim chuyển nhượng đất cho bị đơn T”* và được ông T xác nhận *“Sau khi ông Nguyễn Thanh T bỏ cọc thì ông Lâm Kim chuyển toàn bộ diện tích đất cho bà Thạch Thị T đứng tên...”*. Đồng thời, tại các Biên bản giao nhận văn bản tố tụng (cho bị đơn T và ông H) cùng ngày 29/11/2019 (BL 160, 161) bà T ký nhận văn bản và trực tiếp ghi *“cọc đất không mua mất tiền”*. Do đó, theo bị đơn T và ông T cho rằng nguyên đơn T hùn tiền với ông Lý Văn T để nhận chuyển nhượng đất của Lâm Kim là chưa đủ cơ sở

[7] Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn với bị đơn Thạch Thị T có hùn tiền để nhận chuyển nhượng đất và bị đơn có nhận của nguyên đơn số tiền 145.000.000đồng, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 145.000.000đồng là có căn cứ.

[8] Tuy nhiên, theo kháng cáo bị đơn cho rằng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ hợp pháp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và chứng cứ, tài liệu Tòa án thu thập không khách quan, không đúng quy định pháp luật, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vô lý và trái pháp luật.

[9] Xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cung cấp cho Tòa án *“Biên bản hòa giải ngày 11/7/2019 của Tổ hòa giải ấp S”* và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, ghi lời khai của đương

sự, người làm chứng để làm rõ yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; bị đơn cũng đã thừa nhận đúng bị đơn ký và ghi họ tên vào “Biên bản hòa giải ngày 11/7/2019 của Tổ hòa giải ấp S” và “Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/11/2019 đối với bị đơn Thạch Thị T”, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện cho bị đơn cũng xác nhận việc tiến hành lập biên bản, ghi lời khai là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật tố tụng quy định và không bị ép buộc, nhưng cho rằng nội dung ghi nhận tại các biên bản này không đúng với lời trình bày của bị đơn, ghi nhận không trung thực và không khách quan, nhưng ngoài lời trình bày của mình ra thì bị đơn và người đại diện cho bị đơn cũng không đưa ra được chứng để chứng minh.

[10] Như đã nhận định và phân tích nêu tại [4], [5] và [6] thì “Biên bản hòa giải ngày 11/7/2019 của Tổ hòa giải ấp S” và “Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/11/2019 đối với bị đơn Thạch Thị T” đảm bảo tính khách quan, trung thực và phù hợp với các chứng cứ khác, được đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự quy định, nên có giá trị pháp lý và được xác định là chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Điều 93, khoản 9 Điều 94, khoản 5 và 9 Điều 95 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[11] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, toàn bộ nội dung kháng cáo của người kháng cáo là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định. Tuy nhiên, người kháng cáo Thạch Thị T là người cao tuổi, nên được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của người kháng cáo bà Thạch Thị T.

2/ Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 12 tháng 6

năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, được tuyên như sau:

*“Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.*

*Áp dụng Điều 166; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;*

*Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T đối với bị đơn bà Thạch Thị T, về việc ông Nguyễn Thanh T yêu cầu bà Thạch Thị T có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 145.000.0000 đồng.*

*[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý H phải có nghĩa vụ liên đới cùng bị đơn bà Thạch Thị T trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 145.000.000 đồng.*

*[3] Buộc bà Thạch Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thanh T số tiền 145.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).*

*[4] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, mà bà Thạch Thị T chậm trả số tiền 145.000.000 đồng nêu trên cho ông Nguyễn Thanh T, thì bà Thạch Thị T còn phải trả lãi đối với số tiền trả chậm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian trả chậm tại thời điểm thanh toán.*

*[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:*

*[5.1] Bà Thạch Thị T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.*

*[5.2] Ông Nguyễn Thanh T được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.625.000 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009099 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.”*

*3/ Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo bà Thạch Thị T được miễn nộp.*

*4/ Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.*

*5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự*

(được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hùng Nôi**